

Số: 1254 /QĐ-XHNV-CTSV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc giảm học phí học kỳ I, năm học 2021-2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Hiệu Trưởng các trường đại học thuộc Đại học Quốc gia được quy định trong “Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên” của Thủ tướng Chính phủ ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ đơn đề xuất giảm học phí của sinh viên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

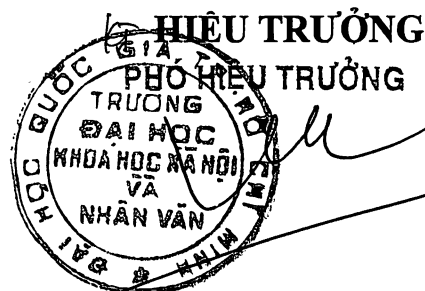
Điều 1. Chuẩn y danh sách giảm học phí trong học kỳ I, năm học 2021 – 2022 đối với 96 (chín mươi sáu) sinh viên thuộc đối tượng giảm học phí theo quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ (*đính kèm danh sách*).

Điều 2. Chính sách giảm học phí được thực hiện từ học kỳ I, năm học 2021 - 2022.

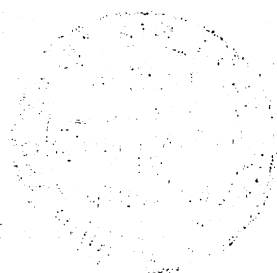
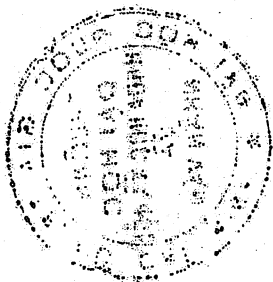
Điều 3. Các Ông/Bà Trưởng đơn vị có liên quan và các sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 3;
- Lưu: HC-TH, CTSV



Phan Thanh Định





Phụ lục

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC GIẢM HỌC PHÍ
HỌC KỲ I, NĂM HỌC 2021-2022**

(Kèm theo Quyết định số 154/QĐ-XHNV-CTSV ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
1	1757030016	Nguyễn Thanh	Duy	06/10/1999	Ngôn ngữ Pháp	TNLD	Kinh	50%
2	1857040015	Trần Thị Yên	Linh	09/03/2000	Ngôn ngữ Trung Quốc	TNLD	Kinh	50%
3	1857040136	Hoàng Thị Huyền	Trâm	09/02/2000	Ngôn ngữ Trung Quốc	TNLD	Kinh	50%
4	1956200066	Nguyễn Trần Ngọc	Hân	15/8/2001	Hàn Quốc học	TNLD	Kinh	50%
5	1957040298	Võ Thị Kiều	Trinh	01/11/2001	Ngôn ngữ Trung Quốc	TNLD	Kinh	50%
6	1957070001	Hồ Trần Thủy	Tâm	13/09/2001	Ngôn ngữ Tây Ban Nha	TNLD	Kinh	50%
7	2056070055	Nguyễn Xuân	Quang	08/04/2002	Triết học	TNLD	Kinh	50%
8	2156170056	Phan Đỗ Đức	Cường	03/07/2003	Đô thị học	TNLD	Kinh	50%
9	2156190135	Đặng Uyển	Nhi	14/11/2003	Nhật Bản học	TNLD	Kinh	50%
10	1756090057	Hoàng Thị	Hương	11/06/1999	Xã hội học	KV	Tày	70%
11	1856020023	Kim Thị Thanh	Dung	20/09/2000	Ngôn ngữ học	KV	khơ me	70%
12	1856020082	Tăng Thị Minh	Thư	23/6/2000	Ngôn ngữ học	KV	Khơ- me	70%
13	1856030114	Đinh Thị	Mai	21/07/2000	Báo chí	KV	Tày	70%
14	1856090022	Thạch Châu Hồng	Tươi	26/11/1998	Xã hội học	KV	Khơ- me	70%
15	1856120003	Châu Thái	Bình	15/8/1999	Giáo dục học	KV	Khơ- me	70%
16	1856120041	Kim Thị Chúc	Huỳnh	25/8/2000	Giáo dục học	KV	Khơ- me	70%
17	1856150011	Thị Sà	Ri	02/04/1998	Công tác xã hội	KV	Khơ- me	70%
18	1856180058	Sơn Thị Kim	Thuận	21/12/1999	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ- me	70%
19	1857010095	Đồng Dương Nữ Xuân	Kiên	27/01/1999	Ngôn ngữ Anh	KV	dân tộc khác	70%



ben

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
20	1857010101	Hoàng Vinh	Niê	02/05/1999	Ngôn ngữ Anh	KV	Mơ -nông	70%
21	1857010179	Nguyễn Thị Ngọc	Hiệp	07/06/2000	Ngôn ngữ Anh	KV	Tày	70%
22	1857060095	Hoàng Thị	Hà	26/9/200	Quan hệ Quốc tế	KV	Nùng	70%
23	1956020088	Son Thị Sà Ma	La	05/03/2001	Ngôn ngữ học	KV	Khơ- me	70%
24	1956030110	H' Điêl	Adrong	25/07/2001	Báo chí	KV	Ê đê	70%
25	1956030161	Lý Trúc	Nhã	14/12/2001	Báo chí	KV	Hoa	70%
26	1956030173	Sâm Thị	Quỳnh	03/06/2001	Báo chí	KV	Tày	70%
27	1956080038	Thành Thị Kim	Luyến	09/10/2000	Địa lý học	KV	Chăm	70%
28	1956090106	Danh Chành	Thol	30/12/2000	Xã hội học	KV	khơ me	70%
29	1956120060	Trần Công	Dũy	16/11/2000	Giáo dục học	KV	Khơ- me	70%
30	1956120083	Triệu Thị Mỹ	Hằng	8/2/0083	Giáo dục học	KV	Dao	70%
31	1956120154	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/08/2001	Giáo dục học	KV	Tày	70%
32	1956140119	Kiên Thị Thanh	Trúc	26/09/2001	Văn hóa học	KV	Khơ me	70%
33	1956150123	A	Phim	5/9/1999	Công tác xã hội	KV	Xê - đăng	70%
34	1956160111	H' Quỳnh	Bkrông	05/07/2000	Tâm lý học	KV	Ê đê	70%
35	1956180090	Neáng	Đao	19/8/2000	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ- me	70%
36	1956180107	Hà Xuân	Chúc	29/8/2000	Quản trị DVDL&LH	KV	Thái	70%
37	1956180205	Hồ Văn	Trọng	26/10/2001	Quản trị DVDL&LH	KV	khơ me	70%
38	1956190176	Nông Thị Thu	Yến	28/05/2001	Nhật Bản học	KV	Nùng	70%
39	1956210120	Giang Quốc	Dũng	11/01/2001	Quản lý thông tin	KV	Khơ me	70%
40	1957010219	H' Noat	Bkrông	27/04/2000	Ngôn ngữ Anh	KV	Ê-đê	70%
41	1957060079	Thạch Quốc	Thái	10/10/2001	Quan hệ Quốc tế	KV	Khơ- me	70%
42	2056010193	Thạch Thị Thảo	Trang	22/06/2002	Văn học	KV	Khơ me	70%
43	2056020059	Nguyễn Kim Ngọc	Hân	17/08/2002	Ngôn ngữ học	KV	dân tộc khác	70%

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
44	2056030055	Nguyễn Bích	Duy	01/11/2002	Báo chí	KV	Khơ me	70%
45	2056030132	Hồ Xuân	Nghiệp	03/09/2002	Báo chí	KV	dân tộc khác	70%
46	2056080024	Lý Thị Thu	Phuong	03/11/2001	Địa lý học	KV	Khơ me	70%
47	2056090076	Nay H'	Brang	03/05/2001	Xã hội học	KV	J rai	70%
48	2056090091	Hà Thị	Trang	25/09/2001	Xã hội học	KV	Nùng	70%
49	2056110117	Kiên Thị Chanh	Thu	30/04/2001	Đồng phương học	KV	khơ me	70%
50	2056120120	Đinh Thị Hạ	Lưu	13/01/2002	Giáo dục học	KV	H rê	70%
51	2056140047	Kim Ngọc Huyền	Trang	30/05/2001	Văn hóa học	KV	Khơ me	70%
52	2056150119	Đinh Thị Thu	Phuong	28/12/2002	Công tác xã hội	KV	Hà Lãng	70%
53	2056160126	Triệu Thị Quỳnh	Hương	21/08/2002	Tâm lý học	KV	Dao	70%
54	2056180082	Cao Thị Chanh Ré Sa	Mây	09/03/2001	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ me	70%
55	2056180085	Trần Thị Yến	Nhi	20/02/2001	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ me	70%
56	2056180092	Đinh Thị Phương	Vi	17/03/2001	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ me	70%
57	2056180093	Lâm Thị Tổ	Anh	22/04/2000	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ me	70%
58	2056180111	Nguyễn Thị	Duyên	08/01/2002	Quản trị DVDL&LH	KV	Thái	70%
59	2056180133	Đặng Thị	Huệ	16/10/2002	Quản trị DVDL&LH	KV	dân tộc khác	70%
60	2056180138	Thạch Duy	Khang	24/12/2002	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ me	70%
61	2056180189	Vi Na	Sa	12/11/2002	Quản trị DVDL&LH	KV	Thái	70%
62	2056180197	Đinh Thị Minh	Than	04/01/2002	Quản trị DVDL&LH	KV	Bana	70%
63	2056180205	Phùng Thị Hoài	Thương	11/10/2002	Quản trị DVDL&LH	KV	Nùng	70%
64	2056200083	Thạch Thị	Nguyên	04/03/2001	Hàn Quốc học	KV	Khơ me	70%
65	2056200084	Dương Châu	Phụng	25/05/2001	Hàn Quốc học	KV	khơ me	70%
66	2056210048	Đinh Thị Hoàng	Anh	27/04/2001	Quản lý thông tin	KV	Tày	70%
67	2056210058	Ma Thanh	Tuấn	11/07/2001	Quản lý thông tin	KV	Tày	70%

lv

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
68	2056210079	H Kim H'	Đok	01/12/2002	Quản lý thông tin	KV	Ê đê	70%
69	2056230063	Hà Thị	Ly	12/02/2002	Quản trị văn phòng	KV	Thái	70%
70	2056230084	Son Thị Ngọc	Tú	18/12/2001	Quản trị văn phòng	KV	Khơ me	70%
71	2057010116	Ksor Rcom H'	Lyaa	09/08/2001	Ngôn ngữ Anh	KV	Gia rai	70%
72	2057010135	Giang Thoại Xuân	Diệp	27/12/2002	Ngôn ngữ Anh	KV	Hoa	70%
73	2057010143	Lô Đại	Dương	04/04/2002	Ngôn ngữ Anh	KV	Thái	70%
74	2057010203	Y Ly	Nghiệp	05/09/2002	Ngôn ngữ Anh	KV	Xê đăng	70%
75	2057030059	Kim Thị Mỹ	Linh	21/01/2001	Ngôn ngữ Pháp	KV	khơ me	70%
76	2057040105	Pi Năng Thị	Nhã	31/07/2001	Ngôn ngữ Trung Quốc	KV	Rag lay	70%
77	2156010135	Nay	H'Nguyệt	07/05/2002	Văn học	KV	dân tộc khác	70%
78	2156030122	Quách Tiến	Quốc	01/05/2002	Báo chí	KV	dân tộc khác	70%
79	2156030128	Phùn Văn	Ba	22/02/2003	Báo chí	KV	dân tộc khác	70%
80	2156030170	Thân Thị Thảo	Nhi	18/05/2003	Báo chí	KV	dân tộc khác	70%
81	2156050084	Nguyễn Thị Hiền	Châu	15/08/2003	Truyền thông đa phương tiện	KV	Hre	70%
82	2156080030	Cao Thị Phương	Anh	16/09/2003	Địa lý học	KV	dân tộc khác	70%
83	2156090284	Vương Hoàng Xuân	Yến	04/09/2003	Xã hội học	KV	dân tộc khác	70%
84	2156110134	Triệu Thị	Tươi	13/01/2003	Đông phương học	KV	Nùng	70%
85	2156140059	Lý Nhựt	Tân	15/04/2003	Văn hóa học	KV	dân tộc khác	70%
86	2156180100	Y Ty Pang	Ting	19/10/2002	Quản trị DVDL&LH	KV	dân tộc khác	70%
87	2156180116	Danh Thị Ngọc	Diễm	15/03/2003	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ me	70%
88	2156180194	Triệu Thị Na	Rết	22/06/2003	Quản trị DVDL&LH	KV	khơ me	70%
89	2156180196	Thạch Đa	Ril	20/10/2003	Quản trị DVDL&LH	KV	Khơ me	70%
90	2156180202	Đinh Thị	Tuyết	15/01/2003	Quản trị DVDL&LH	KV	dân tộc khác	70%
91	2156200104	Hoàng Thị Hồng	Hạnh	10/03/2002	Hàn Quốc học	KV	Tày	70%

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	KHOA/ BỘ MÔN	ĐỐI TƯỢNG	DÂN TỘC	GHI CHÚ
92	2157040135	Đàm Khánh	Đạt	11/08/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	KV	dân tộc khác	70%
93	2157040161	Trần Hồng	Đào	14/10/2003	Ngôn ngữ Trung Quốc	KV	Hoa	70%
94	2157040207	Danh Yến	Nhi	30/10/2003	Ngôn ngữ Trung Quốc	KV	khơ me	70%
95	2157040221	Lâm Minh	Quang	11/05/2002	Ngôn ngữ Trung Quốc	KV	Hoa	70%
96	2157061105	Mông Thị	Mận	24/04/2003	Quan hệ Quốc tế	KV	dân tộc khác	70%

Danh sách này có 96 sinh viên 

Ghi chú:

TNLD: Đối tượng sinh viên là con cán bộ, công nhân viên chức mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

KV: Đối tượng sinh viên là người dân tộc thiểu số (không phải là người dân tộc thiểu số rất ít người) ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của cơ quan có thẩm quyền./



